

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2023

V/V: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Chính Nghĩa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Văn Bảo

2. Bà Bùi Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Thùy D1, sinh năm 19xx; địa chỉ: tổ x, khu L1, phường Y, thị xã Y, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn B2 - luật sư Công ty Luật MTV Bảo Phong; địa chỉ: L2, phường Y, thị xã Y, tỉnh Quảng Yên - có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Thái Thanh B1 (Nguyễn Thanh B1), sinh năm 19xx; nơi thường trú: tổ xx, khu T1, phường Đ1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang chấp hành án tại đội xx, phân trại số x, trại giam T2, thành phố L3, tỉnh D3 - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DỊ VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và các lời khai tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D1 đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thái Thanh B1 (Nguyễn Thanh B1) kết hôn năm 2013 có đăng ký hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Đ1,

thành phố Cẩm Phả trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng. Sau khi kết hôn, chị và anh B1 về chung sống tại gia đình nhà nội tại tổ 68, khu T1, phường Đ1, thành phố Cẩm Phả. Vợ chồng chung sống hòa thuận được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng do anh B1 không quan tâm đến gia đình, không quan tâm đến vợ con. Mọi công việc trong nhà, chị đều phải lo. Chị cũng đã góp ý nhiều lần nhưng anh B1 không sửa đổi và vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Cũng do vợ chồng không hạnh phúc nên thời gian này, chị thường xuyên trở về nhà ngoại tại thị xã Y sinh sống. Năm 2013, chị sinh con đầu lòng và đưa con về hẳn Quảng Yên sinh sống từ đó đến nay. Anh B1 cũng thỉnh thoảng về thăm chị và con và chị đã phát hiện ra chồng chị thường xuyên sử dụng ma túy. Chị cũng đã khuyên can, nhưng anh B1 không thay đổi. Sau đó, chị còn phát hiện anh B1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù không còn tình cảm nhưng vì thương các con nên chị còn nắn nã việc xin ly hôn với anh B1 và mong anh sửa đổi để các con chị đỡ khổ. Năm 2019, anh B1 vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 08 năm 06 tháng tù. Hiện tại anh B1 đang chấp hành bản án tại đội 21, phân trại số 3, trại giam T2 thuộc thành phố L3, tỉnh D3. Chị khẳng định đến nay không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thái Thanh B1 (Nguyễn Thanh B1).

- Về con chung: chị và anh B1 có 02 con chung: Nguyễn Lê Diệp A, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Thái D2, sinh ngày 22/12/2015. Khi ly hôn, do anh B1 đang phải chấp hành hình phạt tù, không có điều kiện nuôi con nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên, không đề cập đến việc cấp dưỡng nuôi con. Chị khẳng định có đủ điều kiện nuôi con và còn có sự hỗ trợ của ông bà ngoại để các con của chị phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần.

- Về tài sản chung và công nợ: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thái Thành Bình (Nguyễn Thanh B1) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Hồ sơ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: điều kiện kết hôn và quá trình chung sống, anh B1 xác nhận đúng như chị D1 đã trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung. Trong khoảng thời gian này, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Anh cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải, tìm biện pháp để khắc phục nhưng không có kết quả vì mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa. Anh đồng ý và cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Thùy D1.

- Về con chung: anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Lê Diệp A, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Thái D2, sinh ngày 22/12/2015. Do đang phải chấp hành hình phạt tù nên anh B1 có quan điểm: khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung của anh với chị D1 cho bố mẹ đẻ của anh tại thành phố Cẩm Phả,

tỉnh Quảng Ninh nuôi dưỡng cho đến khi anh chấp hành xong hình phạt tù sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng các con.

- Về tài sản chung và công nợ: không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng: việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ. Giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án: căn cứ hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thái Thanh B1 (Nguyễn Thanh B1) địa chỉ: tổ 68, khu T1, phường Đ1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại đội 21, phân trại 3, trại giam T2, thành phố L3, tỉnh D3. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D1 vụ án: chị Lê Thị Thùy D1 và anh Nguyễn Thái Thanh B1 (Nguyễn Thanh B1) kết hôn năm 2013 có đăng ký hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Đ1, thành phố Cẩm Phả. Vợ chồng kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà nội tại tổ 68, khu T1, phường Đ1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Anh chị D1 - Bình chung sống hòa thuận được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B1 không quan tâm đến gia đình, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Sau khi sinh con đầu lòng, chị D1 đưa con về hẳn Quảng Yên sinh sống từ đó đến nay. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn có sự liên hệ và anh B1 thỉnh thoảng có về thăm chị D1 và con. Cũng trong thời gian này, chị D1 đã phát hiện ra anh B1 thường xuyên sử dụng ma túy. Chị cũng đã khuyên can, nhưng anh B1 không thay đổi. Mặc dù không còn tình cảm nhưng vì thương các con nên chị D1 còn nắn nã việc xin ly hôn với anh B1 và mong anh sửa đổi để các con chị đỡ khổ. Năm 2019, anh B1 vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 08 năm 06 tháng tù. Hiện tại anh B1 đang chấp hành bản án tại đội 21, phân trại số 3, trại giam T2 thuộc thành phố L3, tỉnh D3.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại địa bàn anh chị D1 - Bình sinh sống một thời gian thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ khi vợ chồng còn chung sống với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn được khu phố phản ánh phù hợp với lời khai của chị D1 và lời khai của anh có tại hồ sơ vụ án.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D1 và anh B1 đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thùy D1 và anh Nguyễn Thái Thanh B1 (Nguyễn Thanh B1) theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: anh chị Bình - D1 có 02 con chung: Nguyễn Lê Diệp A, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Thái D2, sinh ngày 22/12/2015. Chị D1 yêu cầu được nuôi cả 02 con chung đến khi thành niên và không đề cập đến việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị D1 có đủ điều kiện nuôi con như: tinh thần minh mẫn, thu nhập ổn định, không có tiền sự về các hành vi ngược đãi đối với trẻ em. Yêu cầu của chị D1 cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con chị và quan điểm của chính quyền địa phương có tại hồ sơ vụ án. Mặt khác đến thời điểm hiện tại, anh B1 vẫn đang chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện chăm sóc con chung. Anh B1 có quan điểm: khi ly hôn đề nghị Tòa giao cả 02 con chung cho ông bà nội tại thành phố Cẩm Phả nuôi dưỡng để đến khi anh chấp hành án xong sẽ trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: đề nghị của bị đơn trái với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...”*; khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*. Do đó yêu cầu của anh B1 về việc giao con cho ông bà nội nuôi dưỡng không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau này chấp hành xong hình phạt tù trở về nếu anh B1 có yêu cầu nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về tài sản chung: không có; công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị Lê Thị Thùy D1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 171; Điều 173; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy D1 đối với anh Nguyễn Thái Thanh B1 (Nguyễn Thanh B1). Chị D1 được ly hôn với anh B1.

[2] Về con chung: giao cho chị Lê Thị Thùy D1 có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung: Nguyễn Lê Diệp A, sinh ngày 26/12/2013 và Nguyễn Thái D2, sinh ngày xx/xx/20xx đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh B1 không phải cấp dưỡng tiền cho con và được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: chị Lê Thị Thùy D1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000xxxxx ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại chi cục Thi hành án thành phố Cẩm Phả.

[4] Về quyền kháng cáo: người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- THA dân sự TP Cẩm Phả;
- UBND phường Đ1;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Chính Nghĩa